

TRUYỆN NÓI VỀ VIỆC MỞ RỘNG VÀ KHEN NGỢI KINH PHÁP HOA

Sa-môn Lam Cốc Tuệ Tường soạn

QUYỂN 10

BIÊN CHÉP

* Thái Tổ Cao Hoàng Đế đời Tề.
Cánh Lăng Văn Tuyên Vương và Thế tử đời Tề.
Cố đệ tử Thích Đạo Siêu đời Bắc Tề.
Ni Luyện Hạnh ở Hà đông đời Tùy.
Cha con Tử Nghiêm Cung ở Dương Châu đời Tùy.
Khách Tăng Cứu bạn đồng học đời Tùy.
Em của không Đậu kháng đời Tùy. Mã
Hành người ở Bối châu đời Đường.
Thích Đàm Vận ở núi Tỷ Can đời Đường.
Kính Cô Nguyên Quý ở Ba Tây đời Đường.
Diệu Trí ở Lạc châu đời Đường.
Trần Pháp Tạng người ở Ung Châu đời Đường.
Cha con Tả bộc xạ Tiêu Võ đời Đường.
Thích Trí Diệp ở chùa Hoàng Phước đời Đường.
Hà Huyền Linh người ở Lạc châu đời Đường.
Lưu Lão ở huyện lương Nhữ châu đời Đường.
Họ Từ ở Lam Điền đời Đường.
Họ Ngô ở lang Tương đời Đường.
Thích Huyền Tế chùa Ngô Chân đời Đường.

* **Thái tổ Cao Hoàng đế:** Họ Tiêu, húy là Đạo Thành, tự là Thiệu Bá. Tư tưởng rất vui với chân thừa, tâm ở nơi đất báu. Từ lâu ông đã mau chóng ra khỏi nhà lửa thế tục, vượt hóa thành mà thẳng đến, độ tăng xây chùa, mở rộng cửa phước thiện, đúc tượng trì kinh, thường tu phước nghiệp.

Mỗi khi đến ngày rằm tháng bảy, khắp các chùa đều mang bồn sành đến cúng dường ba trăm vị tăng. Ngày rằm và mồng một vua ra lệnh trong nước không cho sát sinh. Còn lúc rảnh rỗi muôn việc vua tự tay chép kinh Pháp Hoa, trang nghiêm tài giỏi lạ thường, thường siêng cúng dường.

* **Tiêu Tử Lương:** Người ở Nam Lan Lăng, được phong làm Cánh Lăng vương. Niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ bảy đời Tề, Chí Thượng đem bốn ngàn đồng tiền đến chỗ Cánh Lăng Vương tổ chức Bát quan trai. Tâu với nhà vua: Hãy thỉnh vị Vân Phó, đây là người chân chánh xuất gia. Vua liền thỉnh Phó làm vị Thiện trị thức, cùng ông ấn tống một ngàn bộ kinh Pháp Hoa.

- Vương nằm mộng thấy một người hỏi rằng: Có muốn được phước hay không?

- Vương đáp: Muốn.

- Người ấy liền chỉ công đức trong nước.

- Vương lặn xuống nước mò được một quyển kinh Pháp Hoa, cảm thấy tâm vui mừng khôn xiết, là tượng trưng cho bên trong đã tắm gội sạch sẽ và tự tay chép một bộ kinh Pháp Hoa, một bộ kinh Quán Thế Âm.

Thế tử Ba Lăng Vương cũng tự tay chép một bộ kinh Pháp Hoa.

Phó lại nằm mộng thấy một người cỡi ngựa trắng ở trên hư không từ hướng Đông đi tới trao cho Phó phướn làm tin.

Đến cuối tháng tư niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười một, lại mộng thấy một người đem tới một quyển kinh và nói rằng: Có chỗ sai. Sáng mai gặp được bộ kinh Pháp Hoa, mở ra xem thử, bên thấy ở phẩm Thọ Lượng quyển năm có một câu sai “Nhất trần Nhất kiếp”. Lúc ấy thu gom mấy mươi bộ kinh đều không có câu này. Liền nói suy ra nghĩa chính là chỗ cùng tốt của kinh Pháp Hoa. Về sau mỗi lần Sư soạn kinh văn đều có con chim sẻ trắng bay liệng để ứng với điềm lành đó, về sau chẳng biết Phó mất lúc nào.

* **Thích Đạo Siêu:** Chẳng biết người ở đâu. Sư xuất gia trụ ở chùa

núi, quận Tề, sư lập hạnh thanh khiết, có người đệ tử tên xong, năm mười lăm tuổi tụng kinh Pháp Hoa được một quyển, thành linh bị bệnh mà mất.

Người đệ tử này vì có tánh siêng năng học tập và có thần thái, có tâm nhân hiếu thiên phú, được thầy rất yêu mến. Từ lúc đệ tử mất về sau sớm chiều thương nhớ. Cách quận Tề không xa có miếu Thái sơn, Đạo Siêu trong tâm nghĩ rằng: “Ta thường nghe nói người chết, thần minh chắc chắn phải đi ngang qua chỗ Phủ quân Thái Sơn, rồi mới được thọ sinh. U minh tuy cách trở nhưng có thành khẩn sẽ có cảm ứng, ta thử hỏi quân Thái Sơn, có khi biết được đệ tử sinh ở đâu. Do đó cầm tích trượng đi về sơn miếu, bày tỏ rõ ràng ý nghĩ của mình, ba lần cáo thần.

Chủ cây bồng nhiên trả lời:

- Pháp sư giới hạnh đã tinh nghiêm thành kính, tâm càng kính trọng, sư hỏi việc gì, đâu dám không báo cho sư biết. Thần cây liền truyền lệnh cho thị thần một cây bảo gọi người chủ đến hỏi lý do. Thị thần đi vào phòng hai gian ở phía Đông, vào trong nhà gọi một người ra. Phủ Quân liền hỏi: Đệ tử quên tên nay ở đâu?

- Người này đáp: Còn bị ràng buộc trong đây, chưa được thọ sinh.

Đạo Siêu vẫn xin được gặp nhau, Phủ Quân liền bảo đi theo người này đến phòng hai gian ở phía Đông cách nhau khoảng hơn mười bước, liền gặp đệ tử, hình mạo, y phục vẫn rõ ràng như lúc còn sống. Thầy trò cảm động mà khóc, giây lâu thầy hỏi: Quả báo khổ vui như thế nào?

- Đệ tử đáp: Hiện nay vẫn còn bị trói buộc, cũng không có khổ vui, nhưng thọ sinh thì chưa quyết định, mau mau phải làm công đức để cứu giúp, nếu không có gốc lành, e sẽ đọa vào chỗ xấu ác.

- Sư hỏi: Làm phước lành gì để được trang nghiêm?

- Đệ tử đáp: Xin thầy tạo cho con một bộ kinh Pháp Hoa và cúng dường trai tăng một trăm vị.

- Sư nói: Việc này thầy làm được. Sau đó từ biệt đệ tử, lại gặp Phủ Quân, Phủ Quân hỏi gặp làm gì? Sư kể lại những việc cần làm như thiết trai, tạo kinh, v.v...

- Phủ Quân khuyên: Chốn u minh cái lớn lao là phải có công đức, sư nên mau về lo sắm cho xong, rồi đến gặp.

Sư nhân đó trở về bốn tự, liền chuẩn bị giấy bút thuê người chép kinh, đồng thời thiết trai cúng dường, khi công đức đã làm xong, sư trở lại chỗ miếu gặp Phủ Quân, kể lại những điều tu phước đã hoàn tất, đến

tìm đệ tử. Phủ Quân lại ra lệnh cho Thị thần gọi người chủ trước kia, người chủ đến, Phủ Quân liền hỏi: Đệ tử của sư có còn ở đó chẳng?

- Người ấy đáp: Đã sinh về chỗ tốt đẹp rồi.

- Sư hỏi: Thọ sinh như thế nào?

- Người ấy đáp: Người viết kinh, viết chữ đầu tiên là chữ Diệu, nhưng mới viết xong bộ nữ, chưa kịp viết chữ thiếu, ngay lúc đó người kia đã thọ sinh.

- Sư lại hỏi: Hiện nay sinh ở đâu?

- Vị thần đáp: Sinh vào gia đình Vương Võ ở quận Tề. Đợi đến lúc người đó được hai, ba tuổi, sẽ đến đó hỏi thăm, tìm kiếm. Siêu ghi nhớ lời vị thần dặn dò, rồi từ biệt Phủ Quân ra về.

Ba năm sau, Siêu bèn đến nhà họ Vương, hỏi: Đàn-việt có trẻ nhỏ không? Bần đạo muốn gặp nó.

Gia đình này giàu có lại có tâm kính tin Tam bảo, nhưng xưa nay không có con xa gần ai cũng biết. Sau này mới có được một mụn con, bà con thân sơ cũng không báo tin cho biết, Vương quân từ chối kiêng kỵ chẳng nói có con.

- Siêu nói: Là đệ tử của bần đạo, đời nay sinh vào nhà đàn-việt, đã được ba năm rồi, vì sao không báo cho nhau biết. Do đó kể lại nguyên nhân đầu đuôi câu chuyện của Phủ Quân ở núi Thái báo tin cho biết.

Người mẹ của đứa bé đang ở trong phòng nghe được, bảo với cha bé: Pháp sư linh cảm như thế, làm gì phải giấu giếm, bèn ẩm đứa bé ra để ngoài ngạch cửa, cách Siêu mấy trượng, từ xa chạy thẳng đến ôm chầm lấy sư khóc kể hồi lâu và nói khi lớn tuổi sẽ xuất gia.

Sau đó, trở lại làm đệ tử của sư, tức là vào niên hiệu Khai Hoàn thứ mười lăm. Và từ đó cũng chẳng biết thầy trò sống được bao nhiêu năm và mất lúc nào?

* *Tỳ-kheo-ni Luyện Hạnh*: Người ở Hà Đông. Chẳng biết tên thật của Ni sư, chỉ thấy khổ hạnh khí tiết chuyên tâm, siêng năng sách tấn, không biếng nhác nên người đời gọi là Luyện, do đó mà có tên là Luyện Hạnh.

Ni sư thường tụng kinh Pháp Hoa, chí nguyện muốn sao chép, bèn hỏi thăm một người thợ viết về số tiền, trị giá để trả công gấp đôi. Ni sư bèn cất tịnh thất riêng, thờ bên trong rất trang nghiêm. Trải qua một thời gian sống trong đó. Mỗi khi thức dậy liền tắm gội, đốt hương xông y vẫn ở trong thất viết kinh. Đến đổi đục một lỗ tường để thông ra ngoài rồi đặt thêm một ống trúc và bảo người viết kinh mỗi khi muốn thở ra,

liền ngâm ống trúc khiến cho hơi thở theo ống trúc bay ra phía ngoài tường. Chép tám năm mới xong bảy quyển kinh, cúng dường rất trang nghiêm tôn trọng, hết lòng cung kính.

Lúc ấy, có vị tăng tên Pháp Đuan ở Long Môn thường nhóm họp đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, bèn đem bộ kinh với tinh thần định lực của vị ni này bảo mọi người hãy thỉnh xem. Ni sư cố từ chối không cho. Pháp Đuan trách ni sư như vậy là không được, bèn tự tay trao cho mọi người và Đuan cùng họ mở ra xem chỉ thấy giấy vàng, rõ ràng không có chữ nào cả, mở các quyển còn lại tất cả đều như vậy, mọi người đều hổ thẹn và kinh hãi liền đưa trả lại cho ni sư.

Ni sư buồn khóc nhận lấy, trở về dùng nước thơm rửa hòm kinh và tắm gội sạch sẽ, đánh lễ đội trên đầu, rồi nhiều Phật hành đạo, suốt bảy ngày đêm chẳng lúc nào nghỉ ngơi, xong rồi mở kinh ra xem thấy vẫn tự vẫn như cũ, v.v...

* **Nghiêm Cung:** Tự là Cận Thế, vốn là người ở Tuyên Châu, gia đình rất giàu, của cải dồi dào mà lại chẳng có anh em. Cha mẹ rất thương yêu Cung, chẳng bao giờ nói lời trái ý cha mẹ.

Vào niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời Trần, lúc ấy Cung đã hai mươi tuổi, xin cha mẹ cho năm muôn đồng, đến chợ Dương Châu mua đồ vật, cha mẹ đồng ý cho. Cung chèo thuyền mang tiền đi Dương Châu, đi được mấy mươi dặm thì gặp một chiếc thuyền chở con ba ba sắp đem ra chợ bán, Cung hỏi thăm mới biết và nghĩ con ba ba này sắp chết, do đó xin chuộc bằng tiền.

- Chủ ba ba nói: Con ba ba của tôi rất lớn, riêng một con đã đáng giá ngàn đồng tiền.

- Cung hỏi: Có mấy con?

- Đáp: Có năm mươi con.

- Cung: Tôi chỉ có đúng năm muôn tiền, xin chuộc nó được không?

- Chủ ba ba vui vẻ nhận tiền và trao ba ba cho Cung rồi đi. Cung đem hết ba ba thả xuống sông rồi chèo thuyền thẳng đến Dương Châu. Người chủ ba ba khi bán xong từ biệt Cung đi được hơn mười dặm biển thì bị chìm thuyền chết.

Ngày hôm đó, cha mẹ Cung ở nhà, lúc hoàng hôn có năm mươi vị khách áo đen đến cửa xin ở trọ một đêm và trao cho cha mẹ Cung năm muôn tiền, nói: Con của ông ở Dương Châu nhờ đem số tiền này về, xin ông bà y lời dặn mà nhận tiền.

Cha mẹ Cung lấy làm lạ và ngạc nhiên nghĩ rằng Cung đã chết, cố gạn hỏi, khách đáp: Con ông không hề gì, chỉ vì chẳng cần số tiền này cho nên gửi đem về giùm mà thôi, cha Cung nhận tiền và nhớ là số tiền cũ đều bị thấm ướt. Khách ở lại, sau khi dùng cơm xong họ nghỉ ngơi, đến sáng hôm sau, thì từ giả ra đi.

Hơn một tháng sau, Cung trở về nhà, cha mẹ rất vui mừng và hỏi lý do tại sao gửi tiền về.

- Cung nói: Không có việc đó.

- Cha mẹ tả lại hình dáng của khách và ngày tháng giao tiền, đúng y ngày mà Cung chuộc các con ba ba. Do đó, mới biết được năm mươi vị khách đều là các con ba ba được chuộc, cha con kinh hãi tự trách. Từ đó, cả nhà ở Dương Châu siêng năng chuyên làm việc phước và thường tụng kinh Pháp Hoa. Khi tụng đến phẩm “Hiện Bảo Tháp” thì ngưng lại khen ngợi: Trong một ngôi tháp mà có hai Đức Như Lai, phân thân chư Phật số đó chẳng ít, như vậy tại sao nay ta không gặp được một vị Phật nào! Cảm khái hồi lâu.

Đêm đó, bỗng nhiên nằm mộng thấy có một vị tăng Ấn-độ tự xưng là Pháp Thoát, bảo Cung rằng: Nếu viết kinh này và làm Phật sự giảng nói, thì muốn thấy chư Phật, việc này đều sẽ được. Do đó, Cung chép một trăm bộ kinh Pháp Hoa, trong thời gian chưa lâu thành linh bị bệnh nặng, Cung thệ tạo một ngàn bộ và giảng năm trăm biến. Do đó, mở rộng phòng ốc làm nhà để kinh cho trang nghiêm thanh tịnh, thường có mấy mươi người viết kinh được cung cấp rất trọng hậu. Cho nên người đạo kẻ tục ở Dương Châu cùng nhau tôn sùng và cung kính đặt cho hiệu là Nghiêm Pháp Hoa, căn bệnh đó cũng đã lành, chí nguyện càng xứng đáng.

Có một lần nọ, Cung ở phía Bắc cửa nhà chứa kinh gặp một vị tăng rất kỳ lạ, khoảng tám mươi tuổi đến bảo Cung: Nghe nói ông viết kinh, xin thỉnh một bộ, lại nói chưa có phẩm “Đề-bà-đạt-đa”, phẩm này có thể để sau phẩm “Hiện Bảo Tháp” được chăng? Bần đạo từ nước Quy-tư đến, nay phải đi núi La-phù được một bộ kinh, xin đội theo, nhưng xin để lại một túi vàng nặng ba mươi cân để chép kinh Pháp Hoa. Trong mùa hạ đến sẽ gửi vật tới. Lại dặn: Thấy chú trong phẩm “Phổ Hiền” thiếu một câu nên tìm chép vào cho đủ, nói xong liền lui ra.

Cung tìm ở sau quyển xem mà chẳng biết ở chỗ nào. Sau đó có Thiên sư Bảo Cung ở chùa Thê Hà đưa tới khoảng năm mươi quyển kinh Pháp Hoa, đã rách nát lẫn lộn bảo Cung phải làm lại, sắp xếp hoàn chỉnh và định lưu thông. Có một quyển thứ bảy là do Tống Ý đã viết

vào niên hiệu thứ hai mươi chín đời Tống, tra trong chú Phổ Hiền quả thật thiếu ba chữ “Bà-la-đế” là câu thứ mười sáu, từ đó về sau viết kinh vẫn y theo đó cho là đã đầy đủ. Cung có một người bà con quan biết vay một muôn tiền viết kinh, Cung chẳng được đã trao cho họ, người vay nhận tiền dùng thuyền chở về, đến giữa đường thuyền chòng chành mãi đến khi số tiền được vay đó rơi xuống nước mà thuyền và người không bị chìm.

Hôm đó, cung vào kho thấy có một muôn tiền bị ướt như mới lấy từ dưới nước lên, Cung rất lấy làm lạ. Sau này gặp người vay tiền mới biết tiền ướt là của người vay.

Đến mùa hạ năm sau có người tên Hầu Chí ở Lư Giang từ huyện Bà Dương đến hồ Cung Đình, thành linh gặp trận bão, phần lớn chủ và khách đều bị đắm thuyền, chỉ có một mình người chủ là ở trên thuyền, như được ai cầm tay dẫn dắt. Khi sóng gió đã hết, từ xa đi đến chỗ miếu, thấy có một vị thần thân cao hai trượng mặc áo giáp mang kiếm, một người hỏi Chí: Lúc bình thường đã gây ra tội gì, phải ghi chép tất cả cho thành thật. Chí đều trình bày thành thật không giấu giếm.

Lại hỏi: Có biết Nghiêm Cung in kinh Pháp Hoa ở Dương Châu hay không? Ta nay muốn gởi một muôn tiền vào công đức đó, người hãy trao lại giùm ta, nói rồi liền biến mất.

Chí chẳng biết số tiền đó ở chỗ nào ra, chỉ nhớ họ tên người gởi tiền là Nghiêm Cung. Vẫn thuận buồm xuôi gió, đi chỉ hai ngày thì đến huyện Đương Đồ, khi thuyền vừa cập bến bỗng nhiên có một người tự xưng họ Hứa đến tìm Hầu Chí bảo: Ngày tôi còn sống ở trần thế có ở Cối Kê, đến chợ mua của ông bốn xấp vải gấm, còn dư một ít nay muốn trả lại ông, bèn để lại một muôn tiền ép Chí phải nhận lấy. Chí nghĩ có sự liên quan giao thiệp nhưng không nhớ dư bao nhiêu, người ấy để lại tiền rồi bỏ đi, nên không biết chỗ đó, trong lòng Chí mới hiểu ra vị thần đó và người giao tiền này là một.

Khi đến huyện Giang Ninh, hỏi thăm Cung để giao số tiền và trình bày đầu đuôi việc trên, Cung vui mừng gấp bội, càng gia công tinh tấn, bèn phát nguyện tạo ba ngàn bộ và giảng một ngàn lần.

Sau có người tên Lý Trạm ở Giang Hạ thỉnh một bộ kinh đem về quê cúng dường, đến Tam Sơn gặp bão nên thuyền bị trôi dạt và chìm, bản thân Trạm cũng bị lênh đênh trên mặt nước suốt năm ngày, dân ở phường Tân Lâm bỗng nhiên nhìn thấy trên mặt nước, có mấy mươi con quạ cùng cắp một vật mà ánh sáng chiếu ra như mặt trời, theo dòng nước trôi xuống. Vì thế, dùng thuyền trống to hơn để ra vớt, vớt được

một cái hòm sơn. Khi lên bờ mở ra xem thấy không có một quyển kinh nào bị ướt cả, mọi người trong phường đem lên cho thứ sử Trương Hy. Sau khi Hy đã xem xét xong mới biết chính là kinh của Nghiêm Cung viết và giao trả lại nhà Cung, khi xem xét lại chính là bộ kinh Lý Trạm đã thỉnh.

Lại có người ở phủ Tề Vương quên mất họ tên, thỉnh một bộ kinh đem về nhà, khi qua sông gặp gió thuyền bị chìm, tiền của tài vật đều mất hết, chỉ có ông ta và một hòm kinh Pháp Hoa là còn, theo cơn sóng trôi lên đênh trên sông nửa ngày. Dường như có ai giữ gìn, sau người ta vớt lên được và xem xét chẳng có một quyển nào bị hư hoại, thấm ướt, bèn giao lại cho gia đình Cung. Sau khi xem xét biết được là bộ kinh do người ở phủ Tề Vương đã thỉnh.

Một hôm, Cung ra chợ mua giấy, gặp lúc thiếu tiền, chợt gặp một người cầm ba ngàn đồng tiền trao cho Cung và nói: Giúp ông mua giấy bút, nói xong thì người đó biến mất. Những chuyện như thế chẳng những xảy ra một lần mà rất nhiều lần.

Vào cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Cung mất, con cháu truyền nhau sự nghiệp của ông.

Thời Tùy, Lý có giặc trộm đến Giang Đô, đều bảo nhau chớ vào làng của Nghiêm Pháp Hoa, nhờ vậy mà người cả làng hoàn toàn được bình yên. Tính ra Cung chép tất cả hơn hai ngàn năm trăm bộ kinh Pháp Hoa.

* **Có một người họ Thích:** Không rõ tên gì, vào niên hiệu Đại Nghiệp đời Tùy, vị ấy đến một cái miếu ở Thái Sơn xin nghỉ trọ qua đêm. Người giữ miếu bảo: Ở đây không có nhà riêng, chỉ ở dưới gian chánh giữa thờ thần miếu là có thể nghỉ được, nhưng người đến ở trọ này đều bị chết. Vị tăng nói: Không sao! Khiến bất đắc dĩ phải cho. Sau đó trải giường ở sau gian chánh, ban đêm vị tăng đến ngồi ngay thẳng tụng kinh. Khoảng canh một thì nghe trong phòng có tiếng vòng ngọc bội, giây lát vị thần xuất hiện đánh lễ vị tăng.

- Vị tăng hỏi: Nghe nói người nào đến đây ngủ trọ đều bị chết, có phải đàn-việt làm hại chăng? Xin được che chở.

- Thần đáp: Gặp lúc giờ chết của họ sắp đến, nghe tiếng đê tử, do đó bản thân họ sợ hãi mà chết, chẳng phải đê tử giết. Xin thầy chớ lo ngại, vị tăng mời ngồi, nói chuyện như người, lát sau vị tăng hỏi: Theo truyền thuyết dân gian nói án quỷ Thái Sơn là có hay chăng?

- Thần đáp: Đê tử phước mỏng nên có, đâu muốn thấy người mất

trước ư!

- Tăng: Ta có hai người bạn đồng là học tăng đã mất trước đây, xin cho ta gặp họ. Thần hỏi họ tên gì và cho biết một người đã thọ sinh ở dương gian, còn một người hiện đang còn ở trong địa ngục, tội nặng không thể gọi đến đây được, cùng thầy đi tới đó mới gặp được.

- Tăng rất vừa lòng, do đó cùng đứng dậy mở cửa ra, đi đến một nơi không xa lắm, thấy nhiều gian ngục ánh sáng lửa rất mạnh. Thần dẫn vị tăng vào một ngôi nhà, từ xa đã nhìn thấy một người đang ở trong lửa kêu gào không thể tả xiết, hình dáng thay đổi chẳng thể nhận biết, mà máu thịt đỏ như ngọn đuốc và hôi thúi, khiến cho người rất thương tâm. Thần thưa: “Ở đây”. Thầy có muốn nhìn lại chẳng? Vị tăng buồn rầu đau xót xin trở ra. Trong chốc lát liền đến miếu, lại cùng ngồi với vị thần, nhân đó hỏi: Ta muốn cứu bạn đồng học có cách nào chẳng? Thần thưa: Có thể được, nên vì người tội chép kinh Pháp Hoa sẽ khỏi nạn ngay.

Trời sắp sáng vị thần từ giả tăng vào nhà. Sáng ra người giữ miếu thấy vị tăng không chết lấy làm quái lạ. Vị tăng do đó kể lại câu chuyện vừa rồi và liền vì bạn chép một bộ kinh Pháp Hoa rất trang nghiêm vừa hoàn tất, lại đem bộ kinh đến chỗ miếu và ngủ qua đêm. Tối hôm đó, vị thần xuất hiện như lúc trước, vui vẻ lễ lạy và hỏi thăm mục đích của thầy đến đây.

- Vị tăng dùng câu chuyện đó trả lời, thần đáp: Đệ tử biết rồi. Thầy vì bạn chép kinh, lúc mới chép được đề mục, thì người kia liền thoát khỏi địa ngục, đã thọ sinh lâu rồi, hiện giờ không còn ở trong địa ngục nữa. Nhưng chỗ này không được sạch sẽ, chẳng nên để kinh, xin thầy hãy đem bộ kinh này về chùa. Nói chuyện đã lâu trời sắp sáng, thần từ biệt thầy mà vào. Vị tăng đưa bộ kinh về để ở chùa.

- Tư Không Trần Dung Công Đâu Kháng, sớm đã ra làm quan, túc duyên biết được đảo châu báu. Tuy quý trọng vô cùng nhưng vẫn vui lòng giúp đỡ, mà lắng tâm nơi Diệu giác, bèn xả tịnh tài để xây dựng chùa Tĩnh Pháp, thay nhau trang nghiêm đem cái đẹp về cõi trời.

Người em tên Liêm của ông bị nạn hành quá độ về sắc dục, chí vô cùng nơi đường ác, kinh vì cha đã chết là An Phong Công, mẹ đã chết là Công Chúa Thành An, còn ông thì tôn kính viết hai bộ kinh Pháp Hoa và Kim Cương Bát-nhã, là khéo suy tư tinh thần, chốn u tình độc ngộ. Mỗi khi hoa sen sắp nở, ông tắm gội thân thể y áo sạch sẽ trắng như tuyết, đích thân xuống ao hái hoa và lá sen trắng phơi khô rồi ép làm giấy. Trang trí đạo tràng, đích thân viết chép, chính tim lấy máu

làm mực. Việc này cứu giúp mọi người xưa nay, thiên ý phần đông báo điềm lành.

Mà người em ganh ghét làm tổn hại ngăn cấm, cản mật không cho truyền ra bên ngoài, khiến cho đời sau không nghe biết đến, thật là đáng tiếc! Bộ kinh đó được giữ gìn như một kho báu, hiện nay vẫn còn.

* **Mã Hành:** Người ở sông Lạc thuộc Cự Châu, cha mẹ đều đã mất, bèn dựng túp lều tranh ở bên mộ và xây mộ lớn thành ba ngôi, đều đích thân ông vác đất, đến ba năm mới hoàn thành, cảnh trí vừa cao vừa dốc, ai thấy cũng đều thán phục. Mỗi khi nghỉ lại đêm trong túp lều, thường có con rắn trắng lớn bò lên nằm trên nóc lều, thông đầu xuống sát cửa. Nếu muốn ra vào con rắn liền thụt đầu lại để tránh đường đi, nó hay làm như thế, nên chẳng ai dám đến xâm hại ông, đáng vẻ như giữ gìn bảo vệ ông.

Sau đó, có một con chó sói màu trắng cũng thường hay qua lại nằm bên túp lều. Đến khi xây dựng ngôi mộ hoàn tất, thì ông lại suy nghĩ: Mặc dù ta vì cha mẹ đã xây dựng xong ngôi mộ này, nhưng chưa vì vong linh cha mẹ mà tu tạo công đức. Do đó phát nguyện chép kinh Pháp Hoa để giúp cho linh hồn có lối thoát, bèn ở chỗ sạch bên ngôi mộ rưới nước thơm dưới đất và chọn lấy hạt giống tốt gieo vào đó. Khi nó nảy mầm lớn lên, ông cũng thường dùng nước thơm để tưới tẩm, nuôi dưỡng. Cho đến khi mọc lớn lên thành cây cổ thụ, ông bóc lấy vỏ cây theo đúng phương pháp chế tạo thành giấy, cũng hòa nước thơm với bùn xây một căn phòng ở bên mộ và mời một thư sinh đến chép kinh, giữ gìn sạch sẽ ăn chay, mỗi khi ra vào đều thay đổi y phục. Vẫn cúng dường bốn thứ (thuốc men, cơm nước, áo quần, giường nệm), chẳng để thiếu thốn.

Lúc kinh chép xong, nhưng chưa có trang nghiêm bèn bọc trong ba lớp giấy đặt trên tường trong phòng nhỏ. Nửa đêm hôm đó thành linh trời mưa to gió lớn kéo dài đến sáng. Phòng trên bị mưa gió làm hư hoại, cỏ cây đều bay sạch, đất bùn sâu xuống mấy thước, chỗ để kinh cũng mất. Qua hai ngày sau nước đã cạn, nhặt được quyển kinh đã viết nằm dưới nước. Chỉ ướt một lớp giấy ở trên, đến lớp thứ hai sạch sẽ khô ráo chẳng có chỗ nào bị rách ướt dơ bẩn.

Lúc mới mất bộ kinh này, ông kêu gào buồn rầu áo não, ngày đêm khóc lóc thương tiếc, đến lúc tìm được quyển kinh vẫn còn nguyên như cũ, ông vui mừng khôn xiết, như được vật báu chưa từng có, thường

cúng dường để được trang nghiêm thành tựu.

* **Thích Đàm Vận:** Người ở Định Châu, đã bảy mươi tuổi, vào cuối đời Tùy bị sơ tán loạn lạc, nên Sư ẩn tu trong núi Tỷ Can ở Ly Thạch và thường tụng kinh Pháp Hoa, lại muốn chép bộ kinh này nhưng chẳng có người cùng chí nguyện. Nuôi dưỡng chí nguyện một năm như thế, bỗng nhiên có một thư sinh chẳng biết từ đâu đến nói rằng: Lòng con thanh tịnh có thể cùng Thầy làm việc đó.

Vì thế, sáng mai ăn cơm xong vào tắm rửa, mặc y phục sạch sẽ, thọ giới bát quan trai, ngâm dầu thơm đốt hương, lặng lẽ an nhiên mà ghi chép đến chiều mới được ra, đến hôm sau cũng làm như thế và không hề nói mỗi một. Cho đến khi kinh được chép xong, đúng như pháp mà đích thân thờ phụng, lúc đưa ra cửa như vậy cũng không được nhìn thấy, cho đến khi trang hoàng đúng pháp như hình vuông. Thì vẫn mới được thọ trì, đọc tụng, mỗi lần một biến, đầu tiên dùng nước thơm rửa tay, không được phế bỏ chút nào.

Sau này gặp giặc Hồ, bèn dựng kinh trong một cái rương để trên núi cao. Qua một năm nạn giặc được yên, sư bèn tìm mà chẳng thấy, kiếm khắp nơi mới tìm thấy ở dưới ngọn núi, cái rương bị cũ mục hư nát, nhưng kinh vẫn còn mới đẹp.

* **Linh Hồ Nguyên Quỳ:** Là người kính tin Phật pháp, muốn chép kinh Pháp Hoa và kinh Kim Cương Bát-nhã.

Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm, ông làm chức Huyện lệnh phía Tây ấp Long Châu, không tự xem xét, phải nhờ Thiền sư Đường Thổ Nguyên xem xét giùm. Sư Nguyên bèn ở tại chùa đứng như pháp thanh tịnh chép kinh xong. Đến mùa Thu trở về chỗ Kỳ Châu Trang, viết được kinh ở lại nhà Trang và năm ngàn đồng Lão Tử, cùng ở một chỗ. Thành linh bị lửa bên ngoài thiêu đốt, cả nhà bị che phủ, ngay tức khắc tro mênh mông, mọi người thay nhau dọn sạch tro tìm lấy cuốn kinh bằng đồng mạ vàng. Đã dọn sạch sẽ bên ngoài, các bộ kinh trong đó vẫn nguyên vẹn như cũ, màu vàng chẳng thay đổi, chỉ có cái rương đã cháy thành tro. Sau lại tìm Lão Tử thì cũng đã hóa thành tro. Cả làng than thở lấy làm lạ, khen ngợi vịnh thành bài thơ:

*“Kim Cương Bát-nhã một quyển
Tên đề đã bị cháy đen
Hỏi ra mới biết lý do,
Chính lúc đầu tiên đề kinh*

*Người đó vì viết mau gấp
 Chẳng được thanh tịnh cho lắm
 Biết ngay lúc ông lập đề
 Do đó đã bị đốt cháy”.*

Quý lúc đó nhậm chức ở Bằng Vực, nghe nói rất kinh ngạc vui mừng, càng tăng thêm lòng tin.

* **Trương Vạn Phước:** Vào giữa niên hiệu Trinh Quán, làm Thứ sử từ Tấn Châu đổi lên thành Thứ sử Lạc Châu, vì ông ta rất dữ dằn hung ác, không thể nào có tâm kính tin. Lúc đầu đến chỗ nhậm chức, hỏi thăm xung quanh xem bên trong chúng tăng có đức hạnh gì?

Mọi người trả lời: Ở Quách Hạ có một vị ni tên Diệu Trí rất tinh tấn, lại viết một bộ kinh Pháp Hoa và thọ trì cúng dường đúng pháp. Nhờ nhân duyên như vậy mà cả làng được vinh sự thơm lây.

Lúc ấy, Phước hỏi loại kinh này cần dùng bao nhiêu vật dụng để tạo thành.

Đáp: Thấy ni sư này dùng một ngàn trăm năm đoạn vật.

Vạn Phước rất kinh ngạc, hỏi: Kinh Hạ rất giỏi tự tay viết, chép xong một bộ chỉ có thể tốn đúng bảy, tám đoạn, vì sao lại dùng nhiều vật đến như thế? Thử mượn quyển kinh ấy đến cho tôi xem. Ni sư nghe nói Thứ sử xin kinh bèn từ chối không cho, vì sợ ông ấy giữ gìn không được sạch sẽ, lại chưa có chay tịnh.

Vạn Phước nghe nói nổi giận lại sai người đến, ni sư không dám giữ lại, liền trao nước nóng thơm cho sứ tắm gội và mặc áo mới, khi mặc xong mới giao kinh cho.

Khi Vạn Phước đã được quyển kinh rồi, chẳng chịu rửa tay bèn gỡ kinh ra xem, bên trong quyển kinh giấy vàng hoàn toàn chẳng có một chữ nào. Vạn Phước nổi cơn thịnh nộ quát mắng: Con mẹ yêu quái già này, không thể nào chịu nổi, liền ra lệnh cho người hầu bắt ni tới. Sứ giả đến báo cho ni biết, trên kinh của sứ chẳng có chữ nào, làm cho sứ quân nổi giận bảo tôi đến bắt ni sư về.

Vị ni sư rất lo sợ, chẳng biết lý do gì, toát mồ hôi ướt đẫm cả thân, liền theo sứ về phủ. Khi đến chỗ bức tường chắn vào nha môn của Thứ sử, Ni sư thấy hai vị thần Kim cương tay cầm chày gỗ hình như đang trao cho ni sư, ni sư liền cảm thấy an tâm, đi thẳng đến trước mặt Thứ sử. Còn bộ kinh đó ở giữa hư không hóa thành chữ vàng, Thứ sử thấy ni sư đến đồng thời nhìn thấy hai vị thần Kim cương và bộ kinh chữ vàng ở trên hư không, cảm giác rất kinh hãi sợ sệt bèn đứng dậy chạy vào

phía sau sảnh đường, kêu gào khóc lóc thảm thiết tạ tội, xin lễ bái sám hối và hồi tâm kính tin, rồi phát nguyện sẽ viết một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Lưu hành khắp mười phương, cúng dường, nhưng bản thân vẫn thọ trì chẳng dám biếng nhác. Bèn hỏi ni thứ lớp tạo tác kinh như thế nào?

Ni đáp: Lúc muốn làm kinh, trước phải trồng cây ngũ cốc trong núi, thường dùng nước thơm tưới bón, để cho thấm nhuần sinh trưởng. Sau khi đã thành cây to, chuẩn bị dùng nước thơm hòa bùn xây phòng giấy, phòng giấy xây xong mới bóc vỏ cây, mời thợ giỏi đúng như pháp lấy nước sạch để tạo thành giấy, tức phải tìm tòi hỏi thăm mới có thể giữ cho kinh sạch đẹp, bất luận công vụng về và quý tốn tiền bạc, trải qua ba năm mới tìm được người như vậy.

Sau này có một nhân sĩ ở Giang Nam ứng mộng tìm đến làm người viết sách, thư sinh đó ở trong nhà kinh, lại dùng nước sạch hòa với bùn, thanh tịnh xây cất phòng. Khi phòng đã xây xong, thư sinh mặc y phục mới sạch, trước khi chưa viết kinh chuẩn bị giữ gìn trai giới thanh tịnh trong bốn mươi chín ngày. Mỗi lần ra vào xong đều thay đổi y phục, tắm gội sạch sẽ, xong mới đến viết.

Lúc viết, ni sư tay bưng lư hương quỳ gối cúng dường trước kinh, thư sinh nghỉ viết thì ni mới nghỉ. Nếu ban đêm thư sinh nghỉ thì ni cũng thức một mình đốt hương đi nhiều xung quanh, như thế chẳng thiếu sót. Khi kinh chép xong và được sửa chữa trang hoàng, ni sư bèn may áo bốn màu cho tăng ni, nam nữ mỗi thứ một bộ, để mỗi khi có người đến mượn kinh, hoặc đọc hoặc tụng tại chỗ, người viết kinh chuẩn bị sạch sẽ trong bảy ngày, phải mặc áo mới, rồi mới trao kinh cho. Cung kính như thế thường chẳng để thiếu sót, mọi người gần xa ai cũng tôn sùng kính ngưỡng. Lợi ích rất lớn, nhờ nhân duyên này mà Thứ sử quy hương, người người đều lấy kinh Pháp Hoa làm sự nghiệp.

* **Trần Pháp Tạng:** Người ở Phách Khúc, huyện Vạn Niên đất Ứng Châu, bản thân làm nghề cung cấp các cỗ tiệc. Vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười tám, ông ở Thượng Phiên, Lạc Châu, sau khi người vợ qua đời bèn rời Hạ Phiên đi hỏi đạo, cách thôn cũ khoảng hơn mười dặm. Giữa đường gặp người vợ đã mất, cô ta nói: Nay tôi chết rồi, đã được mấy ngày. Trong chốc lát Tạng chợt thấy tám, chín nhà như nhà người nghèo. Tạng ngồi trong một gian phòng lợp cỏ tranh. Lát sau vợ ông bị gọi dắt đi Tạng theo sau xem thử, thấy vợ ông bị ngư đầu ngục tốt dùng xoa sắt xâu lại, bỏ vào vạc nước sôi, thịt xương tan nát, rút cây trâm ra thì sống lại, làm bảy lần như vậy rồi, thả lại cho gặp nhau,

hình dung rất xấu xí. Bảo với Tạng: Tôi làm vợ sau cho ông, người phụ nữ trước tự chết chẳng phải thiếp hại, trong áo xiêm của chàng có năm trăm đồng và trong nhà có một con trâu, cộng lại có thể được một ngàn năm trăm đồng. Đến nhà Ý-a-bà, cố gắng vì thiếp, viết kinh Pháp Hoa cho thiếp được thoát cảnh khổ này. Dem những lời nói này của thiếp đến xin hỏi ý kiến A-ba.

Tạng trở về bàn bạc với mẹ bán trâu hợp lại đúng y một ngàn năm trăm đồng, liền gọi người viết kinh đến và mua giấy. Khi viết xong Tạng lại tìm đến chỗ ở của vợ, ông mới gõ cửa thì từ trong nhà vọng ra tiếng trả lời: Người vợ mới của ông, hôm qua lúc ông đang mua giấy cô ấy liền sinh lên côi trời ngay tức khắc. Ông rất kinh ngạc và vui mừng, càng tăng thêm lòng tin, nên phụng thờ rất chí thành, mỗi khi được tài lợi thường đem mua giấy chép kinh Pháp Hoa.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười chín ông xây chùa Hưng Thiện, giúp quan hành đạo, đầy đủ cho chư tăng.

* **Tiêu Vũ Tông:** Quốc Công Tả Bộc Xạ là người rất tôn sùng Phật pháp, bèn ở ranh giới huyện Lam Điền, ở Ứng Châu, xây dựng ngôi Già-lam. Mời Đại đức bốn thứ cúng dường, tâu lên xin đặt hiệu chùa. Ông đặt tên chùa là Tân Lương. Võ tuy rất quý trọng nhân thân. Địa vị đã lên chức quan Thái phụ, nhưng thường trì trai giữ giới và tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một thời, được Sơn Nạp cho đắp ca-sa, ở trong tinh xá hành đạo, sám hối lễ bái. Ăn uống giống như chư tăng và ngồi ở cuối sau Sa-di. Xả bỏ châu báu tiền của lo các việc giấy mực để chép một ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Được cùng tốt nghĩa lý mẫu nhiệm, khi viết chép kinh sách thanh tịnh đốt hương thơm khiết.

Nếu có người muốn thọ trì phải hết lòng thỉnh ba lần, mới được trao kinh cho. Ở ngoài cửa chánh giữa đặt một hòn đá vuông màu xanh, mỗi khi người đến thỉnh kinh phải đứng trên hòn đá này. Võ đích thân bưng hòm kinh đội trên đầu và trao cho người đó. Tất cả những người đến thỉnh kinh Võ đều ghi rõ họ tên và mỗi ngày lạ một lần, Võ rất kính pháp trọng người như vậy.

Trong Phật đường nhà của Võ, một hôm xá-lợi hiện đầy khắp, mọi người chia nhau thỉnh về cúng dường, bỗng nhiên tự biết mất, xá-lợi trở về lại nhà của Võ, triều đình và dân gian ở kinh đô đều biết cả. Tử Duệ được phong Tướng Thành Công chức phụ Mã Đô Úy (một chức quan đời Hán), nối tiếp chức tước của cha là Tổng Công. Diêu nghiệp Trinh quán vốn làm quan nhưng tính điềm đạm quả quyết, có đại lượng.

Khéo viết chữ lệ bức hoành chùa Tân Lương là chứng tích kia. Xây dựng đại tượng, điện Phật, lại chép một ngàn bộ kinh Pháp Hoa, thường làm lợi ích cho phủ Trường Lại.

Trong Châu có ao cá nhiều đến mấy muôn con, các quan liêu trong phủ thường hay bắt lấy. Nhuệ vốn có lòng nhân từ bảo các quan: Thân Cá tuy hèn, nhưng hình mạng đều đồng nhau, nó cũng đau xót tâm can, vì ngon miệng no bụng ta thật không nỡ làm như vậy. Nhuệ nay thường hay mua chuộc để thả và xin các ông hãy nghe theo, ân huệ giáo hóa đã ban hành ai mà chẳng mến phục vui vẻ nghe theo.

Các chùa nếu có thuyết giảng ông liền đến nghe, theo chúng tăng cuốc đất, tăng muốn thiết sàng, nhưng không chịu nhận tiền. Kế đến là còn làm Thứ sử ở Lợi Châu. Kỵ phủ pháp Tào và tụng kinh Pháp Hoa, lúc ấy giảng về nghĩa sơ của cha Võ.

* **Thích Trí Hoa:** Người ở Giang Châu, ban đầu xuất gia trụ chùa Tây Lâm ở Lô Sơn. Tánh tình Sư cao thượng, nói năng nhã nhặn rộng lượng, khác phong cách bên ngoài hữu vật, dung mạo rất đẹp, công phu chuyên đọc kinh, tiếng tụng từng âm vận thanh nhã thông suốt, tụng mấy quyển cũng không thấy mệt.

Đời Tùy, Sư đến Nhật Nghiêm, nhà đường mời trụ chùa Hoằng Phước, pháp tịch ở kinh đô, tiếp vũ liên hoàn, không có người, ai cũng gọi cho Sư, tuy làm quan Hàn lâm coi việc viết chép, nhưng lại rất thích Phước Môn, mỗi ngày tự sách tấn mình phải viết năm trang giấy kinh Pháp Hoa. Đã lớn tuổi nhưng sự nghiệp tu hành không biếng nhác, được ngoại lợi liền chép kinh Pháp Hoa, tự tay sư viết được hơn hai ngàn bộ. Ngày qua đời ngồi xếp bằng trên giường thị tịch, có mùi thơm đầy khắp nhà, thọ tám mươi tuổi.

* **Người Lạc Dương đất Lạc Châu, tên Hà Huyền Linh:** Niên hiệu Long Sóc, qua đời ở kinh đô. Khi xuống âm ty được cho làm Chủ bạ, (coi về sổ sách). Niên hiệu Tân Đức, có người cùng làng với Linh sau khi chết xuống âm phủ, hai người gặp nhau. Linh hỏi người làng: Vì sao ông xuống đây?

- Đáp: Bị đuổi đến đây.

- Linh: Ta thấy án chủ giữ ông lại, oan uổng lắm, hãy thả ông trở về đi.

Lúc người trong làng từ biệt, Linh sắp đi ra mới nhìn thấy một lão già cùng thôn hỏi người cùng làng: Ông đến đây sao không xem chỗ tôi

chịu tội? Liền thấy vạc nước sôi sùng sục đang nấu người tội. Bà lão bảo: Ông về nên báo cho chồng tôi hãy vì tôi mà viết một bộ kinh Pháp Hoa, nhờ vậy mới thoát được cảnh này, mười ngày sau ông hãy đến báo cho tôi biết tại thôn Nam Thủy Đầu.

Lát sau, người trong làng tỉnh lại, liền gọi chồng bà và kể lại câu chuyện rồi bảo chép kinh. Ông ấy mau đi mua giấy trao cho người mượn viết giùm. Người trong làng đến ngày đã hẹn trước đó đi tới bến nước thấy một bà lão khác nói với người trong làng: Ông có phải là người được dặn viết lúc trước không?

- Người trong làng đáp: Đúng vậy.

- Bà lão nói: Người phụ nữ trước kia, ngày chồng ba mua giấy mực ngay hôm đó bà được sinh lên cõi trời rồi. Cho nên không chờ đến ngày nay hẹn để gặp ông được, nên dặn tôi báo cho ông biết, nói xong liền biến mất.

* **Ranh giới của huyện Lam Điền:** Ở Ứng Châu, có một thôn tự nhiên đất sụp xuống sâu hơn trăm thước. Chỗ đất sụp đó đúng ngay phòng thờ Phật, trong nhà ông họ Từ có một bộ kinh Pháp Hoa. Chuyện này là do ông Từ thường hay thọ trì cúng dường nên ở chỗ đất sụp đó chính là một trụ đất, nhờ phòng thờ Phật này chống cao được cả làng cuối cùng không bị sụp lở. Mọi người thấy vậy đều lấy làm quái lạ, đồng thời đúng pháp sao chép để truyền bá.

* **Vào niên hiệu Nghi Phụng:** phía Bắc huyện Lương ở Nhữ Châu, có một người con trai họ Lưu ở thôn Lương, không biết tên. Đầu tiên vì đi chinh phạt phương Đông đánh nước Cao-ly. Bị bắt làm tỳ tử giữ ngựa bên bờ biển phía Đông xa xôi.

Nằm ngủ thường thấy một vị tăng gọi xuống biển và từ biển trở về nhà, chiêm bao như vậy chẳng phải một lần. Con của bà họ Lưu tự suy nghĩ: Trôi giạt cùng với chết chẳng khác gì, luôn luôn cảm được giấc mộng này. Lao thân xuống nước ở ven biển và ôm được một bó cỏ cóc, theo cơn sóng trôi theo dòng nước. Nổi lên bờ phía Tây, khi lên được bờ đi hơn một dặm lại nghĩ: Bó cỏ này đã cứu được thân mạng ta, bèn quay trở lại mở bó cỏ ra phơi, thì thấy trong đó có kinh Pháp Hoa quyển sáu. Liền đem về nhà, cha là ông Lưu, trước do ông mất tích ở vùng biên giới, vì cầu nguyện cho ông nên người con chép một bộ kinh Pháp Hoa, viết chép rất thanh tịnh, mỗi việc nghiêm túc sạch sẽ.

Khi thấy đứa con trở về lòng buồn lo liền hết, nhưng lấy làm lạ hỏi lý do. Lưu Tử kể lại tất cả câu chuyện xảy ra trước đó, cha con cùng nhau

vào tinh xá mở hòm kinh ra xem mới thấy thiếu quyển sáu. Nghiệm lại đưa con ông lúc ở ngoài biển được quyển kinh mà người cha vì con mình đã chép. Các phần của quyển kinh đầy đủ, giấy mực giống nhau, kia đây chẳng khác, rõ ràng phù hợp. Từ đó, cha con dốc lòng tin Tam bảo, giữ giới hạnh tinh nghiêm.

* **Tướng Lang họ Ngô:** không nhớ tên, lúc đi chinh phạt phía Đông nước Cao-ly, thì phá được thành Mã Ấy, đốt cháy cửa nhà cho đến chùa viện tinh xá. Ở ngoài thành nhìn thấy khói mây bay thẳng lên, trong đó có một vật như khí hư, bay lên cao rồi biến mất vào đám mây. Giây lát nhẹ nhàng rớt xuống đám cỏ phía Đông thành. Lang tướng Ngô phi ngựa đến coi thử thì thấy một cuốn sách màu vàng rớt trên mặt đất, bèn lượm lên xem thử, đấy chính là kinh Pháp Hoa quyển bảy.

Vì thế, ông đem về doanh trại, ban đêm để trên nóc doanh trại, bỗng nhiên trời mưa to. Đến sáng hôm sau lấy xuống chẳng có một chỗ nào bị thấm ướt cả. Sau đó, ông đem về kinh đô để trụ nhà bạn cũ tướng quân Lý Ích Thường ở phường Tĩnh An. Vui mừng thiết trai thỉnh Sa-môn Vạn Tướng Huyền Tế ở chùa Hưng Thiện. Sư đích thân xem cuốn kinh và tụng một biến.

Ông Ngô hứa đưa vào nội cung, đồng thời vì đó viết chép kinh tịnh nghiệp đúng pháp mới hoàn thành, cho nên đặc biệt nói lên điềm lành cao quý, sẽ ngộ được các Phẩm.

* **Thích Huyền Tế:** Còn gọi là Tĩnh Vụ, họ Lưu, người ở Lý Nam. Ông cố nội làm Thứ sử ở Kỳ Châu đời Đường, ông nội là Đĩnh làm Quả Nghi ở phủ Tuyên Phạm đời Tùy, đồng thời bản thân là hình tượng của quốc gia, văn võ gồm cứu giúp, sớm ngộ được huyền châu, rất tinh thông đạo Phật. Người cha thông thạo thuật tu Nho từ lâu, hối tích hoành môn, không cạnh tranh với trần thế ồn náo, chẳng buồn việc triều chính thành thị. Thông theo để giao tế làm gương cho người, tinh thần rất minh mẫn, thích danh khí kia do đó xả bỏ xuất gia. Cho nên vừa lên thập nhị phẩm liền trông mong lạc thái, vì thế tắm gội ở dòng pháp, tắm gội chân hóa, chỗ thâm nhập rất sâu. Và sau khi thọ giới cụ túc, hạnh kiểm chuyên tinh, kính trọng pháp nghi. Năm ba mươi hai tuổi được cử làm Duy ra chùa Hưng Thiện, nhưng chẳng thích việc đó. Tánh ưa ở nơi sơn thủy, tư duy sâu xa chỗ u nhân vắng lặng, do tuổi đều hưởng phúc trời, nhờ tích ngộ chân, nên tụng tập kinh Pháp Hoa, Bát-nhã để làm nhiệm vụ hằng ngày.

Ban đầu tụng kinh Pháp Hoa đủ hai ngàn biến, nằm mộng thấy lên một đại diện, bốn mặt chánh điện đều có tượng Phật, ánh sáng chiếu soi. Trong núi có khám thờ tượng đều là tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, đi vòng quanh đánh lễ, cảm động hồi lâu bèn thấy bình lưu ly đựng một viên xá-lợi, dùng tay nhặt lấy, cảnh giác rõ ràng, tụng đủ năm ngàn biến. Lúc ấy, ban ngày đang ngồi bỗng nhiên mộng thấy trong hư không có mấy trăm khám thờ Bồ-tát Quán Thế Âm, dùng tay vịn lên vịn từ từ cảm thấy đi đến. Lại thấy trong hư không có vô số hạt châu vàng từ trên lăn xuống thành dòng ánh sáng rất đẹp. Tế dùng miệng hứng lấy khắp thân tâm rất vui mừng, qua hai ngày không ăn dường như cảm thấy no, từ đó thân tâm được an vui, trì kinh không bỏ một việc làm phước nào.

Trong một ngày đêm năm lần tụng, đến chín ngàn biến.

Lúc ấy, ở trong viện Bắc Lĩnh, góc vuông cảnh Tượng thành linh có con chim lạ, hình dáng như chim phỉ thúy, ngực màu trắng, toàn thân màu vàng, mép màu đen, chân màu đỏ. Từ ngoài sa vào thẳng trong lòng, do đó Tượng mang đến trước tượng Phật, nó liền bay lên cây hoa, ngậm hộp hương kinh cách bay rải khắp nơi, hoặc dùng thức ăn hoa quả cho nó cũng không ăn, chỉ gặp hương sáp thường dùng miệng hút. Ban ngày liền nhẹ nhàng sang gia đình Tế, đêm ngủ trong nhà nghỉ, qua bảy ngày bảy đêm tự nhiên bay đi.

Bỗng nhiên lại mộng thấy một người cao bảy, tám thước dung mạo xinh đẹp giống hình tượng bện tơ, từ lưng xuống trang nghiêm, màu sắc đẹp đẽ. Lúc ấy, Tế hoan hỷ đánh lễ hiệu là Bồ-tát Quán Thế Âm, tức y cứ vào Bồ-tát, nâng chân Ngài, miệng xưng danh hiệu Đại bi, bèn trông mong được vớ về an ủi sở đầu. Thường trở lại mấy lần, Tế dùng tay vịn theo, cổ họng nghẹn ngào giấy lát liền tỉnh ngộ. Hoặc ngày đêm ngủ nghỉ lúc tụng sắp hết liền nghe tiếng chuông, khánh để răn nhắc nhau. Những điều linh ứng đó là do tụng kinh Pháp Hoa một muôn hai ngàn biến, Kim Cương Bát-nhã một muôn biến, trong đó niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát, tụng chú diệt tội tùy tâm.

Theo Công cách y cứ nhau hơn trước, có thanh tín sĩ, bí thư tỉnh so sánh Thư Lang Lưu Huyền rằng An đứng đầu dân tộc Phiệt có tài hoa xuất sắc, thần phù hợp cửa Phật, rong ruổi theo pháp bảo, cùng Tế sớm quen biết quen lời, càng hẹn tạo phước thanh tịnh.

Niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai, nương nhờ viện của Thiên sư Tự Cơ, ở trong thất đọc kinh, tượng trưng sự trong sạch như tuyết. Bột thơm sơn quét, treo phướn rải hoa, mấy lớp bảo vệ sạch, khéo léo khiến thư sinh thực hành đúng, mỗi lần vào phải tắm mặc áo mới sạch, đốt

hương ngậm chất thơm, chí thành viết rõ ràng. Tế đích thân giúp đỡ, vàng giữ tất cả, sớm tối không nghỉ.

Lúc đầu chép kinh Pháp Hoa chưa đầy một trang giấy, ngay đêm đó chiêm bao thấy vị tăng trao cho diệp hương. Lại nghe bên trong hoa đàn trước nhà kinh có tiếng lễ sám mấy lạ, lấy làm lạ đến xem thì thấy im lặng chẳng có người hoặc vật gì. Chính vì không ngủ ngồi một mình trang nghiêm bỗng nhiên nghe tiếng chuông vang trong hư không. Khi viết đến quyển hai, ngay buổi sáng hôm đó, thấy một vị tăng Bà-la-môn vào nhà kinh, nghi dung rất khác thường, đứng chấp tay hồi lâu. Viết đến đầu quyển Kim Cương Bát-nhã, đúng lúc ấy mộng ánh sáng trên ngực ông minh mông như cái bát. Viết đến quyển hai tới ngũ nhãn tiền thì bút nghiên phát ra ánh sáng đều màu vàng, chính lúc đó đặc biệt sợ hãi bèn định tâm viết, ánh sáng đó đầu tiên phát ra ở chữ “đề” đỏ rực sáng như ánh đuốc.

Bồ-tát nhiều đời cũng như thế, nếu làm được như vậy thì nói ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh. Gồm mười tám lời nói là diệt. Đến quyển ba, trên trục của bốn kinh đó lại phát ra ánh sáng chiếu xa hơn hai thước, chiếu thẳng vào mé cửa sổ. Lúc ấy, Tế và Pháp sư Hiền Thủ Hoa Nghiêm và có hơn mười người tận mắt nhìn thấy bèn bảo nhau: Chúng ta tu học vào thời mật pháp cách Phật rất xa, nay chép tôn kinh bỗng nhiên được báo tướng linh hiển, sao không đối với bậc Hồng liệt xây tháp thờ để bày tỏ tâm chí thành? ngay lúc đó bắt đầu cho đến cuối cùng tâm thanh tịnh, việc sạch sẽ, rất cẩn thận chỗ đó mà cất một ngôi nhà để cúng dường toàn thân và kinh mẫn tự. Vào ngày 26 tháng 07 đều xả y bát, để trước phòng kinh đốt hương rải hoa cùng lập thệ nguyện rộng lớn, cho đến tháng ba năm sau, đạo - tục mấy mươi vị một đêm hành đạo, trừ nền mới xây ở phòng cũ, bảo bốn vị tín sĩ ăn chay tắm gội mặc y mới sạch, chư tăng dùng hoa hương, âm nhạc chí thành cúng dường. Hương dẫn bốn vị này lập ra quy cũ cách thức, vác đũa đều rải hoa thơm. Lúc ấy, những người mê tối đều phát đạo tâm.

Sau đó, có Sa-môn Chí Khoáng ở chùa Văn Lễ đích thân làm việc xây dựng, vừa đánh dùi vừa xưng danh hiệu Phật, còn thanh tín sĩ chỉ trai giới và vận chuyển đất mà thôi. Khi đã xong nền, thường nghe tiếng lễ Phật, tụng kinh.

Tháng mười năm ấy, ở ngọn núi phía Bắc xây tịnh thất riêng để kinh trong ngoài trang nghiêm, mời thợ tin thành khéo léo dùng gỗ ngậm nước thơm, để làm cán búa, nghe tiếng hồng chung dưới nhà trống của Tế.

Dạ-xoa mộng thấy tràng hoa và hai vị thần cao hơn một thước đang đứng chỗ làm, còn người lên Mao Phổ Đạt ở huyện Di, chọn lựa cửa cây trụ nhà ở trong tán cốc. Thấy độc nhất một cây thông vọt lên trên ngọn núi cao cách nước rất xa, cho nên người thợ chặt bỏ đi. Người đã chặt cây này chẳng ngày nào mà không bị ngã, nhánh cây cắm xuống chỗ nào thì đất chỗ ấy vọt lên một vòi nước, thành suối, người thợ dùng để chữa bệnh đói, bằng thành mười cây trụ. Nhà đó, còn thêm chạm khắc và trang trí, ngay ngày chưa hoàn tất, mà từ xa cúi đầu, lễ chân kinh và đặt tên là Thiện Pháp.

Ngoài ra còn đợi công trình hoàn tất, để gửi lại cho người có năng lực. Tế cách biệt ở nơi xa tại Lâm Tuyền tu hơn ba mươi năm, sau bệnh sốt rét thường tái phát, đến lúc không thể cứu chữa được nữa, Sư thị tịch tại hẻm đá, thọ sáu mươi bảy tuổi, nhằm ngày mừng một tháng ba niên hiệu Thần Long, kẻ đạo người tục nghe tin rất kính tiếc, đau buồn. Tính tình Sư nhu hòa, có tâm từ bi chất phác, rộng lòng cứu giúp, chẳng vào nơi chợ búa ồn náo ràng buộc, không đến chùa ni. Lại siêng năng tu hành phước thiện, lao nhọc chẳng than mệt mỏi. Ngoài việc lễ tụng, gần như chẳng có lúc nào rảnh rỗi, còn như việc tiếp khách, đối đáp với quan liêu thì xét căn cơ mỗi người mà ứng đáp cho phù hợp hoàn cảnh, lời nói và hành động chẳng phân biệt, chúng đều suy tôn, cho nên, Lại bộ thị lang Lưu Huyền Đình, Binh bộ thị lang Lưu Huyền Cơ, Ngô bộ thị lang Trung Từ Chiêu, Cao sĩ Hứa Nhân Tắc... rất khâm phục thái độ khiêm nhã của Sư, tôn trọng sự nghiệp lớn lao của Sư, cùng kết giao làm khách ngoại trần để qua lại giao tiếp. Huyện lệnh Lam Điền có Trịnh Nam Kim một lời nói chứa đựng hết, dốc hết nỗi lòng, sáng tác phù hợp, và kính trọng đạo phong nên có lời khen: “Tế Công điềm đạm, vô vi vô dục, tiếp vật dùng lòng từ, đối với thân tri túc, mùa xuân cây được sum sê, mùa thu đầm nước càng xanh, tốt đẹp thay bậc Thượng sĩ! Như vàng như ngọc, Sư là bậc Thánh hiền được cúng kính như vậy.

Truyện về mở rộng và khen ngợi kinh Pháp Hoa, bắt đầu từ đời Đông Tấn đến cuối cùng là đời Đường, lý luận về người học kinh Pháp Hoa được linh ứng như thế có chép đầy đủ trong đó. Như vậy mới đáng gọi là “một việc nhân duyên lớn” làm lợi ích cho chúng sinh, giúp cho chúng sinh không bị rơi xuống, nhưng nay ra biển Đông chỉ được một bó cỏ, niên kỷ càng xa, bút tích sai lầm rất nhiều, luống xét cùng nghĩa lý về bệnh sai lầm kia, tuy chẳng thông minh sáng suốt, nhưng so sánh chuyện phải quấy là chỉ muốn lưu thông rộng rãi, vì vậy mới khắc bản, ngõ hầu cho các vị giở ra xem coi để “khai thị ngộ nhập tri kiến Phật”.

Viết xong nhằm ngày 27 mùa Xuân năm Ất mùi, niên hiệu Thiên Khánh năm thứ năm tại điện Minh Khánh, tại Thích Viện ở Nội Tĩnh.

Trụ trì chùa Hoàng Hóa núi Nghĩa Long nước Cao-ly, Đông Hải, xét lý trí, soi tịnh quang ở Trung Khổng Nhạc, Tăng thống pháp ấn, ban hiệu Sa-môn Đức Duyên Khâm Hiệu Văn Lâm Lang Tư Tế.

Thừa Đồng, Chánh lý, Đường dực thơ.

Ngày mồng tám tháng bảy niên hiệu Bảo An năm thứ nhất nước Đại Nhật Bản, ở phủ Đại Tế, Pháp sư Khuyến Tuấn Nguyên ghi chép xong. Tô Cảnh người nước Tống từ nước Cao-ly vượt biển mang theo Thánh giáo đến Trung quốc mới có truyện Pháp Hoa này, nhưng để lại hai cuốn để viết chép. Bán Tăng Giác Thọ ghi.

PHỤ LỤC

BÀI TỰA SỚ KINH PHÁP HOA CỦA NGÀI THIÊN THAI.

Sa-môn Thần Huýnh ở Cảnh Trung soạn.

Tựa rằng: Chí lý vô danh (chỗ lý cùng tốt thì chẳng có tên gọi) tên gọi được truyền bá khắp trong thiên hạ. Chân thừa bất động, nhưng rung chuyển trong ba cõi. Chứng lý tức sự mà chẳng động, Tất-đàn tùy duyên giáo hóa chúng sinh, chẳng mưu cầu dất dấn, công há chẳng lớn lao hay sao?

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, từ Thế tôn xuất thế vì một việc nhân duyên lớn đã nói ra. Nhưng cỏ thuốc chẳng đồng nên sự thọ lãnh thấm nhuần thành ra khác nhau, căn cơ chẳng phải một vì thế bầm thọ giáo pháp không giống nhau. Cho nên, Đức Phật lập nhiều phương tiện xoay bánh xe pháp, nói pháp Bốn Đế tại vườn Nai. Còn hiển thật thì tại non Linh Thứu, ba lần chuyển biến nói về Tịnh độ ý chỉ sâu xa, lời nói rõ ràng. Bạc Nhân tôn đạo cao, hiển bày nguồn gốc sâu xa thọ lượng để hiểu dấu vết gần nơi Già-da. Thổi gió mưa đánh trống pháp giảng nói, bỏ xưa nói phương tiện, khai thị ngộ nhập nay, được cá quên nôm, được của báu trong nhà. Bồ-tát như cát bụi, thêm đạo bớt chúng sinh, Thanh văn nơi am tranh bỏ Tiểu hưởng Đại.

Bồ-tát Dược Vương đốt cánh tay để cúng dường Phật Đa Bảo hiện toàn thân chứng minh rất sâu xa mẫu nhiệm, cùng tốt viên mãn, không thể luận bàn.

Có Đại sư Thiên Thai hiệu Trí Khải, thưở xưa ở trước Đức Như Lai đích thân nghe kinh này, ở địa vị Ngũ phẩm, âm thanh rung chuyển cả hai triều đại. Chẳng qua nơi đạo tràng mà thấu hiểu Phật thừa, nhờ sức Đà-la-ni nhạo thuyết vô cùng, thường ở nơi điện Thái Cực của Trần chủ giảng kinh Nhân Vương, Bát-nhã cho vua nghe, đế vương quỳ gối, trăm quan vỗ tay. Vả lại, như đã giải thích về quán tâm mẫu nhiệm lia có không, lấy chân tánh làm phép tắc mượn sự giúp đỡ chiếu soi để thành thấu suốt, trình bày tên gọi thuyên tông, khác hơn người xưa, năm nghìn là then chốt chân lý đều giữ gìn Thánh giáo.

Từ khi ngài Trí Giả hoàng pháp hơn ba mươi năm, chỉ có lời sơ Duy-ma, đời Tùy vâng chiếu theo sắc lệnh của Dương Đế mà chọn huyền văn này. Gần đây, có Pháp sư Quán Đảnh ghi riêng hợp thành hai mươi quyển, không phải người trí thì không trao, lời nói này đã đầy đủ.

Và sau khi Phật diệt độ hơn một trăm năm, đến giữa niên hiệu

Thiên Bảo đời Đường, nhằm năm Mậu Tý, có Hòa-thượng Lăng trụ chùa Thanh Thái ở quận Đông Dương, là tai mắt của pháp môn, là giềng mối của chánh pháp, pháp và giới đều thông, bao gồm cả trong ngoài. Được món đồ quý báu của Mãn Từ, ngồi trong động đá của Không Sinh. Mỗi khi giảng trao cho người học thắm khen rằng: Quán về nghĩa thú đó khế hợp sâu xa với Phật thừa, tìm xem văn thế thì có khi chẳng đúng thứ lớp. Hoặc văn liên tục mà nghĩa đứt quãng, hoặc văn sau nghĩa trước, hoặc trước văn xuôi đã mở bày chương đó, hoặc từ sau mà nói lại trực tiếp nghĩa ấy, hoặc trong bài kệ nêu số đó trước, hoặc sau không theo thứ lớp của tên kia, nhưng ý thánh khó lường, chỉ mong có niềm tin là được rồi.

Nay vì thính chúng nhiều lần khuyến thỉnh: Bậc thượng căn dễ tỏ ngộ, chọn lấy điều hay không mê muội, bậc trung hạ căn theo văn mất ý chỉ. Nếu theo thứ lớp so sánh, điều này thì lợi ích rất rộng lớn. Hòa thượng hai ba phen do dự, sự bất đắc dĩ, bèn chuyên niệm Đại sư cầu ngài che chở có được chăng! Vì thế mà cảm ứng được giấc mộng, mới bắt đầu có điều lệ thường hằng. Vì cũng tùy tình lập phương tiện, lượng xét chẳng phải cầu thả tìm cầu chỗ đồng khác, nên có sự thêm bớt trong đó.

Trông mong các người học sau này hiểu được nguyên ý đó, suy tìm lãnh hội ý chỉ lượm vàng bỏ sỏi, nói pháp chân thật chẳng phải luống dối, trợ giúp mở ra cánh cửa rộng lớn cho cơ phong mầu nhiệm, làm hoàn bị cho kinh tạng thì trăm giới ngàn như, rõ ràng phù hợp nhau. Hóa thành bảo sở đều đích thân làm cầu bến, nhờ sự hết lòng của Đức Di-lặc, theo trí vốn sẵn của ngài Văn-thù, giúp cho phát đủ sáu trí. Khen xuân thu một lời nói, Thần Huýnh, v.v... đồng thời lựa chọn tổng hợp văn xưa. Để lý khinh an, không đâu chẳng phải là chỗ Phật Không Vương, cùng nhau phát tâm, mười sáu vị Sa-di đều thay nhau giảng nói, dụi mắt hoa đốm, thấy mặt trời trừ bệnh dưỡng châu. Thật tình thẹn với ngòi bút của Nhạn môn, sao chẳng đoái đến sự sâu xa của Long Khoảnh, ngô hầu chọn lấy bậc cao đức, tắm trong dòng nước đạo mà thấy được cội nguồn.

